

Số: 19/2021/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 4573/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 152/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp lệ phí:

Tổ chức (tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), người Việt Nam định cư ở nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo được cấp Giấy chứng nhận; chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp; trích lục bản đồ địa chính; văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.

b) Tổ chức thu lệ phí:

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh tại các huyện, thị xã, thành phố.

c) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận.

3. Đối tượng miễn nộp lệ phí:

a) Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn, khu phố, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Khi thực hiện đăng ký biến động, chỉnh lý Giấy chứng nhận trong trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng công trình công cộng.

4. Mức thu lệ phí:

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu		
			Cấp Giấy chứng nhận (CN)		Công việc địa chính khác
			Giấy CN chỉ có QSDD	Giấy CN QSDD, QSHN, tài sản gắn liền với đất	
I	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất				
1	Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.	Đồng/giấy	100.000	500.000	
2	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các phường thuộc thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/giấy	26.000	100.000	
3	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các xã, thị trấn thuộc huyện và các xã thuộc thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/giấy	13.000	50.000	
II	Cấp đổi, cấp lại, cấp mới Giấy chứng nhận				
1	Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.	Đồng/giấy	50.000	50.000	

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu		
			Cấp Giấy chứng nhận (CN)		Công việc địa chính khác
			Giấy CN chỉ có QSDD	Giấy CN QSDD, QSHN, tài sản gắn liền với đất	
2	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các phường thuộc thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/giấy	20.000	50.000	
3	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các xã, thị trấn thuộc huyện và các xã thuộc thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/giấy	10.000	25.000	
III	Chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp				
1	Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.	Đồng/lần			30.000
2	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các phường thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/lần			28.000
3	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các xã, thị trấn thuộc huyện và các xã thuộc thị xã La Gi và thành phố Phan Thiết	Đồng/lần			14.000
IV	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính				
1	Tổ chức	Đồng/lần			30.000
2	Hộ gia đình, cá nhân	Đồng/lần			15.000

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí:

a) Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiêu mục tương ứng của mục lục ngân sách hiện hành.

b) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp và quản lý lệ phí được thực hiện theo Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận Khóa XI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 54/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác Đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Bình Thuận;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08b), K.T.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh